

Bản án số: **189/2022/DS-PT**

Ngày: 11-8-2022

*V/v Tranh chấp di sản thừa kế, yêu
cầu tuyên bố di chúc vô hiệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bạch Thị Minh N, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: t. phố N, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tâm H, Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên- Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: tỉnh Phú Yên- Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Trần Danh T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: tỉnh P. Yên- Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bạch Thị Minh T, sinh năm 1954. Địa chỉ: France- Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Bạch Thị Minh N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Danh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ nguyên đơn là ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M có 02 người con là Bạch Thị Minh T (*hiện đang định cư tại Pháp*) và nguyên đơn Bạch Thị Minh N. Khi cha mẹ nguyên đơn còn sống có nhận chuyển nhượng 01 ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 555m² của bà Phạm Thị Thu D tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên với giá 41 chỉ vàng 24K, thời gian chuyển nhượng là năm 1996, sau khi chuyển nhượng cha mẹ nguyên đơn sống trong ngôi nhà này. Ngày 09/5/2009, cha nguyên đơn là ông Bạch Ngọc A chết không để lại di chúc. Ngày 28/02/2018, mẹ nguyên đơn là Mai Thị M chết, sau khi mẹ chết nguyên đơn mới biết bà M lập di chúc vào ngày 19/7/2016 giao quyền thừa kế toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất cho cháu Nguyễn Thị Kim H thừa kế khi mẹ nguyên đơn qua đời và có điều kiện cháu H phải chăm sóc bà M khi đau yếu đồng thời thờ cúng khi bà M qua đời. Tuy nhiên trong thời gian bà M đau bệnh từ năm 2015 đến khi qua đời, cháu H không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc mà do nguyên đơn chăm sóc, đưa mẹ đi khám bệnh và lo mai táng cho mẹ khi mẹ nguyên đơn chết.

Hơn nữa, năm 2016 bà M đã 88 tuổi, tinh thần không còn minh mẫn, thường đau bệnh nên không thể lập di chúc một cách khách quan. Khi mẹ nguyên đơn chết, cháu H cũng không nói về việc bà M để lại di chúc cho cháu H, nên nguyên đơn là người trực tiếp lo mai táng, thờ cúng, tuần tự. Vì vậy cháu Nguyễn Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ nêu trong di chúc.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc do bà M lập ngày 19/7/2016 là vô hiệu toàn bộ; yêu cầu Tòa công nhận di sản do vợ chồng cụ A, cụ M để lại thuộc những người ở hàng thừa kế thứ nhất gồm nguyên đơn và bà Bạch Thị Minh T, nhưng bà T đã có văn bản từ chối nhận di sản và yêu cầu giao toàn bộ di sản cho nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa giao toàn bộ di sản của vợ chồng cụ A, cụ M là nhà, đất gắn liền với thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m² tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cho nguyên đơn được quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất.

Bị đơn Nguyễn Thị Kim H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn gọi bà Mai Thị M là ngoại thứ (*mẹ ruột bị đơn gọi bà M là dì ruột*), bị đơn sống chung với bà M từ năm 2012 sau khi chồng bà M chết, quá trình sống chung không có mâu thuẫn gì, bà M rất thương yêu vợ chồng bị đơn. Những lúc bà M ốm đau bị đơn lo cơm thuốc đầy đủ cho bà M. Ngày 19/7/2016, bà M tự nguyện đến UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên lập di chúc để lại tài sản cho bị đơn, thời điểm lập di chúc bà M vẫn tỉnh táo, minh mẫn, đi lại bình thường, khi lập di chúc công khai tại trụ sở UBND xã A và được Chủ tịch UBND xã A trực tiếp ký chứng thực. Từ khi bà M chết đến nay bị đơn vẫn thờ cúng bà M theo phong tục địa phương.

Sau khi bà M chết vì chồng bị đơn đi làm ăn xa, bị đơn ở tại địa phương nhưng hàng ngày phải đi làm việc nên phải khóa cửa nhà để đảm bảo an toàn. Do đó, bà N có nói bị đơn khóa cửa không cho bà N vào nhà là không đúng.

Theo bị đơn thì di chúc của bà Mai Thị M là hợp pháp, hơn nữa bà N tự xưng con nuôi của bà M nhưng không có tài liệu nào chứng minh bà N là con ruột hoặc con nuôi của ông Bạch Ngọc A, bà Mai Thị M nên bà N không có tư cách để khởi kiện bị đơn. Do đó bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bạch Thị Minh T trình bày:

Bà T là con của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M, cha mẹ bà (T) có di sản như bà N trình bày là đúng. Bà T đề nghị Tòa tuyên bố di chúc lập ngày 19/7/2016 vô hiệu toàn bộ, bà cùng với bà N là người được nhận thừa kế đối với tài sản trên theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà T đang định cư ở nước ngoài (*Pháp*) nên từ chối nhận di sản thừa kế do vợ chồng ông A, bà M để lại và yêu cầu giao toàn bộ di sản cho bà Bạch Thị Minh N được quyền sở hữu và sử dụng.

Người làm chứng trình bày:

- Bà Phạm Thị Thu D có đơn trình bày: Năm 1996, bà D thỏa thuận và lập giấy bán nhà và đất tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cho ông Bạch Ngọc A, bà Mai Thị M với giá 4,1 cây vàng 24K. Sau khi nhận đủ vàng, bà D đã giao toàn bộ nhà và đất nói trên cho ông A, bà M quản lý, sử dụng.

Đến năm 2016, theo yêu cầu của bà Mai Thị M và được sự hướng dẫn của cơ quan chức năng, bà D tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với tài sản nói trên. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, tài sản này tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m²; trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên được UBND huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409481 ngày 17/3/2016 mang tên Phạm Thị D. Do quá trình cấp giấy ghi họ tên sai nên đã tiến hành điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận thành Phạm Thị Thu D.

Để tiến hành thủ tục sang tên người mua là ông Bạch Ngọc A, bà Mai Thị M, bà D lập và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nhưng lúc này ông Bạch Ngọc A đã mất năm 2009, vì vậy chỉ có bà Mai Thị M đứng tên bên nhận chuyển nhượng nhưng thực tế tài sản nhà và đất nói trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M.

Ông Mai Văn C, bà Mai Thị V có đơn trình bày: Ông C, bà V là em ruột của bà Mai Thị M. Bà Mai Thị M, ông Bạch Ngọc A có 02 người con là Bạch Thị Minh T (*đang sinh sống tại Pháp*) và Bạch Thị Minh N (*sinh sống tại Khánh Hòa*). Khi bà M bị bệnh thì cháu N là người trực tiếp chăm sóc, đưa bà M vào thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để chữa trị. Khi bà M chết, cháu N là người

đứng ra lo mai táng cho bà M. Ngoài cháu N là người thực hiện nghĩa vụ trên, chúng tôi không thấy ai khác thực hiện.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 618, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26, Điều 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N về yêu cầu: Hủy di chúc của cụ Mai Thị M lập ngày 19/7/2016.

2. Nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N được quyền thừa kế toàn bộ tài sản nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m²; trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên được ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409481 ngày 17/3/2016

Nguyên đơn Bạch Thị Minh N có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý “*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản tài sản khác gắn liền với đất*” theo quy định của pháp luật.

3. Buộc nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N phải thanh toán cho bị đơn

Nguyễn Thị Kim H số tiền 17.633.000đ (*Mười bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng*) về khoản tiền công bảo quản di sản.

4. Về chi phí đo vẽ; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Bạch Thị Minh N phải chịu số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), Bà N đã tự nguyện chịu, nộp đủ và chi phí xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2022; đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Danh T kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 20/6/2022; nguyên đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại khoản tiền bảo quản di sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề

ngợi HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản sao giấy khai sinh ngày 18/3/2021 của bà Bạch Thị Minh N thể hiện tên người cha là ông Bạch Ngọc A và tên người mẹ là Mai Thị M; phù hợp với báo cáo xác minh ngày 16/6/2021 của Công an Phường Tân Lập, thành phố N, Khánh Hòa về việc bà Bạch Thị Minh N có cùng hộ khẩu và có quan hệ là con của ông Bạch Ngọc A và tên người mẹ là Mai Thị M; phù hợp với công văn số 647/UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân Phường Tân Lập, thành phố N, Khánh Hòa (BL 128) cung cấp: “*Trong bản khai nhân khẩu cấp tháng 11/1976 do Công an thành phố cung cấp, thể hiện ngày tháng năm sinh của bà Bạch Thị Minh N: 01/01/1967 và thể hiện rõ ông Bạch Ngọc A...và bà Mai Thị M... là cha mẹ của bà N...*” và phù hợp với lời thừa nhận của bà Bạch Thị Minh T. Do đó, có cơ sở xác định: Bà Bạch Thị Minh N là con của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M nên có quyền khởi kiện vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409481 ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên (*đứng tên bà Phạm Thị Thu D; đã được chỉnh lý sang tên bà Mai Thị M vào ngày 12/7/2016*); lời khai của bà Phạm Thị Thu D; lời khai của bà Bạch Thị Minh N, bà Bạch Thị Minh T và lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc bà Mai Thị M tặng cho nhà đất tranh chấp. HĐXX có đủ cơ sở xác định: Nhà và đất tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m² (*trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác*) tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên đang tranh chấp là tài sản chung của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M. Do đó, sau khi ông A chết (*năm 2009*); bà M tự ý lập di chúc vào ngày 19/7/2016, định đoạt toàn bộ nhà đất cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H mà không có sự đồng ý, thống nhất của những người thừa kế di sản của ông Bạch Ngọc A là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Như đã nhận định nêu trên [2]; di chúc do cụ Mai Thị M lập ngày 19/7/2016, đã định đoạt toàn bộ nhà và đất tranh chấp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H không đúng pháp luật. Đồng thời, nội dung di chúc thể hiện việc tặng cho nhà đất tranh chấp là tặng cho có điều kiện: “*với điều kiện cháu H phải chăm sóc tôi khi đau yếu, đồng thời thờ cúng tôi khi qua đời*” nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã không thực hiện đúng theo các điều kiện của di chúc ngày 19/7/2016; đó là: Khi bà M đau và qua đời thì việc chăm sóc, tang lễ và chi phí đều do nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N thực hiện (*Chứng cứ do bà N cung cấp về các chi phí chăm sóc chữa bệnh và mai táng cho bà M phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Mai Văn C và bà Mai Thị V- em ruột của bà M*); tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2019, bà Nguyễn Thị Kim H thừa

nhận khi bà M còn sống thì giữa bà H với bà M đã xảy ra mâu thuẫn và bà H đã bỏ về nhà mẹ đẻ của mình để ở: “*Lúc ở cùng bà M thì giữa tôi H và bà M có xảy ra mâu thuẫn và tôi bỏ bà M về nhà mẹ tôi để ở.*” và tại phiên tòa sơ thẩm bà H cũng thừa nhận bà H sống chung với bà M từ năm 2012 đến năm 2017 thì bà H bỏ về nhà mẹ đẻ, không còn sống chung với bà M. Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã vi phạm điều kiện của di chúc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy di chúc của cụ Mai Thị M lập ngày 19/7/2016 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Do di chúc của cụ Mai Thị M lập ngày 19/7/2016 bị hủy bỏ nên nhà và đất tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m² (*trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác*) tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên là di sản của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M chưa chia và được chia thừa kế theo pháp luật.

Những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M là bà Bạch Thị Minh N và Bạch Thị Minh T; bà Bạch Thị Minh T từ chối nhận di sản thừa kế và để lại phần di sản được hưởng cho bà Bạch Thị Minh N nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ di sản do cụ A, cụ M để lại cho bà Bạch Thị Minh N được hưởng là phù hợp với sự tự nguyện và quyền định đoạt của bà T.

[5] Đối với kháng cáo về công sức bảo quản di sản và chi phí tố tụng:

[5.1] Bà H sống chung, có công chăm sóc với bà M từ năm 2012 đến năm 2017 và có công sức làm thủ tục để bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đã trong coi, bảo quản nhà đất khi bà M đi chữa bệnh và sau khi bà M mất là đã có công sức đóng góp, bảo quản di sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn Bạch Thị Minh N phải trích 10% giá trị di sản cho bị đơn là có cơ sở và đúng quy định tại khoản 3 Điều 658 Bộ luật dân sự.

[5.2] Bà Bạch Thị Minh N được hưởng toàn bộ di sản nhà và đất tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m² (*trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác*). Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Bạch Thị Minh N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[6] Từ nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Danh T và kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N. Do không chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Danh T và kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N; giữ nguyên bản án sơ thẩm; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N:
+ Hủy di chúc của cụ Mai Thị M lập ngày 19/7/2016.

+ Công nhận nhà và đất tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m² (trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên là di sản của của ông Bạch Ngọc A và bà Mai Thị M chưa chia và được chia thừa kế theo pháp luật.

2. Nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N được quyền thừa kế toàn bộ tài sản nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 555m² (trong đó 200m² đất ở tại nông thôn, 355m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409481 ngày 17/3/2016.

Bà Bạch Thị Minh N có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” theo quy định của pháp luật.

3. Buộc nguyên đơn bà Bạch Thị Minh N phải thanh toán cho bị đơn Nguyễn Thị Kim H số tiền 17.633.000đ (Mười bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) về khoản tiền công bảo quản di sản.

4. Về chi phí đo vẽ; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Bạch Thị Minh N phải chịu số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Bà N đã nộp đủ và chi phí xong.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bạch Thị Minh N phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp (ông Nguyễn Tâm Hoàng nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng số 07314 ngày 21/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp (ông Trần Danh T nộp) theo biên lai thu tạm ứng số 07313 ngày 21/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

6. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về lỗi chậm thi hành án, về quyền nghĩa vụ thi hành án và về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh